|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**  Số: /BC-UBTVQH14  **Dự thảo**  **Gửi xin ý kiến Đoàn ĐBQH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2020* |

**BÁO CÁO**

**Giải trình, tiếp thu, chỉnh lý**

**dự án Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)**

Tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội đã xem xét, cho ý kiến về dự án Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP). Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến đối với dự án Luật tại phiên họp thứ 43 (tháng 3/2020) và phiên họp thứ 44 (tháng 4/2020). Trên cơ sở ý kiến của các đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo Cơ quan chủ trì thẩm tra, Cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật. Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo Quốc hội như sau:

1. **NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN LUẬT**
2. **Về phạm vi điều chỉnh**

*Một số ý kiến cho rằng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật là quá rộng, chưa rõ, đề nghị quy định rõ lĩnh vực được thực hiện theo phương thức đối tác công tư; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư; quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước có liên quan.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, làm rõ hơn khái niệm về “đầu tư theo phương thức đối tác công tư” tại khoản 1 và sửa đổi, bổ sung một số khái niệm khác tại Điều 3 (Giải thích từ ngữ), rà soát thu hẹp các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP tại Điều 4 (Lĩnh vực đầu tư, quy mô và phân loại dự án PPP); rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP; quyền và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, bên mời thầu tại Chương IX và các điều khác của dự thảo Luật.

1. **Về áp dụng luật và điều ước quốc tế (Điều 3)**

*Một số ý kiến thống nhất như đề xuất của Chính phủ quy định nội dung tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật[[1]](#footnote-1). Một số ý kiến không nhất trí quy định nội dung tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật, đề nghị rà soát, đánh giá tác động kỹ lưỡng để quy định tại dự thảo Luật phù hợp với Hiến pháp, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các luật hiện hành khác tránh mâu thuẫn, xung đột, gây khó khăn khi thực hiện. Đối với những nội dung cần phải có quy định đặc thù riêng thì quy định cụ thể ở những điều khoản liên quan ngay trong Luật PPP và có dẫn chiếu sửa đổi những điều khoản tại các luật có liên quan, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Có ý kiến cho rằng quy định tại khoản 3 là không cần thiết vì khoản 3 là nguyên tắc chung đã được quy định trong Luật Điều ước quốc tế, nếu trường hợp Luật này khác với Luật Điều ước quốc tế thì phải áp dụng Điều ước quốc tế; đề nghị cân nhắc nội dung quy định tại khoản 2 có thể loại trừ quy định tại khoản 1 ở một số khía cạnh.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu ý kiến đại biểu, bỏ toàn bộ quy định tại Điều 3. Trường hợp cần ưu tiên áp dụng Luật PPP so với các luật khác tại các nội dung cụ thể của Luật PPP thì đã chỉ rõ tại điều khoản quy định về nội dung đó[[2]](#footnote-2). Ngoài ra, tại Điều 104 cũng đã đề xuất sửa đổi một số điều, khoản tại một số luật liên quan[[3]](#footnote-3) để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

**3. Về lĩnh vực đầu tư dự án PPP (khoản 1 Điều 4)**

*- Một số ý kiến đề nghị cần hạn chế lĩnh vực đầu tư PPP và không giao Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ sung dự án không thuộc lĩnh vực quy định trong dự thảo Luật, vào những lĩnh vực đầu tư công do Nhà nước phải đảm nhiệm, nhưng doanh nghiệp không làm hoặc không đủ sức làm mới áp dụng hình thức PPP và có sự hỗ trợ của Nhà nước như giải phóng mặt bằng, hỗ trợ đầu tư; bổ sung lĩnh vực thủy lợi, giữ quy định về lĩnh vực “lưới điện”, cân nhắc bỏ quy định về “nhà máy điện” (nhất là thủy điện) và bỏ quy định về thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng dự án PPP ngoài các lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này. Một số ý kiến đề nghị rà soát, bổ sung một số lĩnh vực, bao gồm các hoạt động đầu tư xã hội hoá hiện nay.* *Có ý kiến đề nghị làm rõ lý do lựa chọn và quy định các lĩnh vực như tại dự thảo Luật.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng thu hẹp lĩnh vực, chỉ tập trung đầu tư PPP ở những lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, quan tâm đến các dự án lớn có tính liên kết vùng miền, tính lan toả đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, đồng thời rà soát lĩnh vực đầu tư PPP trên nguyên tắc bảo đảm ưu tiên thu hút đầu tư tư nhân theo pháp luật về đầu tư. Theo báo cáo của Chính phủ về tổng kết 20 năm thực hiện dự án PPP, có 336 dự án PPP đã được triển khai, trong đó: (i) Lĩnh vực giao thông có 220 dự án; (ii) Lĩnh vực năng lượng (xây dựng nhà máy điện) có 18 dự án; (iii) Lĩnh vực giáo dục có 06 dự án; (iv) Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải; xây dựng nhà ở tái định cư, hạ tầng ký túc xá...) có 32 dự án và một số lĩnh vực khác. Căn cứ kết quả tổng kết này và yêu cầu thu hẹp lĩnh vực đầu tư PPP để tập trung nguồn lực, có 5 nhóm lĩnh vực được lựa chọn và thể hiện tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Luật là những lĩnh vực quan trọng, thiết yếu liên quan đến phát triển cơ sở hạ tầng (giao thông, thủy lợi), cung cấp dịch vụ thiết yếu (điện, nước, xử lý môi trường), bảo đảm an sinh xã hội (y tế, giáo dục - đào tạo), phù hợp với sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0 (hạ tầng công nghệ thông tin), thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nâng cao chất lượng đời sống của người dân. Kinh nghiệm triển khai đầu tư PPP của các quốc gia khác cũng chỉ tập trung vào một số lĩnh vực nhất định, không làm tràn lan vì việc mở rộng cơ chế đầu tư PPP có khả năng dẫn đến rủi ro ở cấp độ quốc gia. Để phù hợp với thực tiễn, dự thảo Luật quy định nguyên tắc chung, chỉ rõ 5 nhóm lĩnh vực thể hiện tại khoản 1 Điều 4 trong đó bổ sung lĩnh vực thủy lợi tại điểm c khoản 1 vì đây cũng là lĩnh vực thiết yếu; bỏ quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quyết định các dự án phát sinh ngoài lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 4, bảo đảm tập trung việc thực hiện PPP vào một số lĩnh vực chủ chốt, căn cứ nhu cầu, nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

* *Có ý kiến đề nghị rà soát quy định về lĩnh vực đầu tư dự án PPP đối với hệ thống truyền tải điện để thống nhất với quy định của Luật Điện lực, vì cho rằng truyền tải điện là lĩnh vực độc quyền của Nhà nước nhằm bảo đảm an ninh nhà nước trong lĩnh vực truyền tải điện; đề nghị cân nhắc thay ”nhà máy điện” bằng “đầu tư sản xuất điện” hoặc “công nghiệp điện”, nhất là đầu tư thủy điện.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, rà soát, sửa đổi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4, thay “hệ thống truyền tải điện” bằng “lưới điện” nhằm bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật Điện lực, hơn nữa đầu tư PPP không phải là đầu tư tư nhân thuần túy nên quyền kiểm soát, quyết định các yếu tố liên quan đến phát triển điện, cung ứng dịch vụ truyền tải điện vẫn phải do cơ quan có thẩm quyền thực hiện, do đó việc cho phép đầu tư PPP trong lĩnh vực lưới điện không trái với quy định độc quyền của Nhà nước tại Luật Điện lực[[4]](#footnote-4).

*Về đề nghị thay lĩnh vực “nhà máy điện” bằng “sản xuất điện” hoặc “công nghiệp điện”*, dự thảo Luật thống nhất với Luật Điện lực sử dụng từ này gồm công trình hạ tầng phần cứng, trong đó có cả các nhà máy điện năng lượng tái tạo. Ngoài ra, thuật ngữ “công nghiệp điện” được sử dụng trong Luật Đầu tư công có phạm vi rộng hơn, có thể có hoạt động hạn chế tư nhân đầu tư. Có ý kiến đề nghị không quy định “nhà máy điện” là một trong các lĩnh vực được đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) nên Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin trình Quốc hội 02 phương án như sau:

* Phương án 1: Chính sách thu hút đầu tư tư nhân thông qua phương thức PPP vào lĩnh vực năng lượng nói chung và nhà máy điện, lưới điện nói riêng là phù hợp với chủ trương tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045[[5]](#footnote-5)*.* Hơn nữa, thực tế hiện nay có nhiều dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện được đầu tư theo phương thức PPP[[6]](#footnote-6). Do vậy, cần giữ quy định cho phép áp dụng phương thức PPP đối với các nhà máy điện (trừ nhà máy thủy điện).

- Phương án 2: Hiện nay, khu vực tư nhân được tham gia đầu tư vào lĩnh vực “nhà máy điện” này theo nhiều phương thức khác nhau. Cụ thể, căn cứ Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 (Quy hoạch điện VII) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21/7/2011, việc đầu tư chủ yếu theo các phương thức sau: doanh nghiệp nhà nước (73 dự án), đầu tư trực tiếp theo dạng điện độc lập (IPP - 48 dự án) và PPP (loại hợp đồng BOT - 25 dự án). Như vậy, lĩnh vực “nhà máy điện” có thể được đầu tư hoàn toàn bởi doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp tư nhân mà không cần thông qua phương thức PPP.

*- Có ý kiến đề nghị không quy định lĩnh vực cung cấp nước sạch vì lĩnh vực này tư nhân hoàn toàn có thể tham gia đầu tư mà không cần thực hiện theo phương thức hợp tác công tư (PPP).*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo:

Hoạt động xã hội hóa và hoạt động đầu tư theo phương thức PPP đều có cùng mục đích là thu hút nguồn lực tư nhân tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; tuy nhiên trong khi hoạt động đầu tư theo phương thức PPP được định hình là phương thức đầu tư với trình tự, thủ tục chặt chẽ và cơ chế, chính sách đầy đủ, áp dụng đối với các dự án quy mô lớn, phức tạp, cần ràng buộc trách nhiệm giữa các bên trên cơ sở hợp tác dài hạn giữa Nhà nước và khu vực tư nhân thông qua việc ký kết và thực hiện hợp đồng dự án PPP, trong khi đó hoạt động xã hội hóa có thể xem xét áp dụng cho các dự án quy mô nhỏ với trình tự, thủ tục đơn giản, theo đó vẫn bảo đảm được cơ hội thu hút nguồn vốn từ khu vực tư nhân đầu tư cho các dự án quy mô nhỏ ở địa phương.

Các quy định hiện hành về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch khuyến khích, thu hút nhà đầu tư tư nhân tham gia trong lĩnh vực này[[7]](#footnote-7). Tuy nhiên, phương thức đầu tư PPP cho phép nhà nước quản lý chặt chẽ về công suất, chất lượng nước sạch và dịch vụ cung cấp thông qua cơ chế hợp đồng, hạn chế các tồn tại về cấp nước sạch do tư nhân đầu tư trong thời gian qua. Bên cạnh đó, việc bổ sung năng lực cấp nước tại các địa phương (đặc biệt các đô thị lớn) là đòi hỏi cấp thiết trong khi nguồn vốn đầu tư công còn hạn hẹp, không đáp ứng được đầy đủ nhu cầu thực tế. Dự án PPP trong lĩnh vực cấp nước bao gồm việc đầu tư xây dựng hệ thống thu, dẫn nước thô (từ nguồn), nhà máy xử lý nước và hệ thống phân phối nước sạch tới các hộ tiêu dùng sẽ là cơ chế linh hoạt để giải quyết các thiếu hụt đối với hạ tầng xử lý và cấp nước sạch hiện nay.

**4. Về quy mô đầu tư dự án PPP (khoản 2 Điều 4)**

*Một số ý kiến nhất trí với việc giao Chính phủ quy định hạn mức quy mô đầu tư tối thiểu của dự án PPP phù hợp với từng ngành, lĩnh vực và tùy từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tuy nhiên cần làm rõ mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP không thấp hơn 200 tỷ đồng hay không thấp hơn 100 tỷ đồng để phù hợp với nhiều địa phương, các lĩnh vực đầu tư khác nhau.*

Về vấn đề này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu ý kiến đại biểu, sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Luật theo hướng những dự án PPP đầu tư ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo thì có tổng mức đầu tư tối thiểu là 100 tỷ đồng trở lên, còn lại đối với các dự án tại các địa bàn, lĩnh vực khác theo quy định tại khoản 1 Điều 4 thì có tổng mức đầu tư tối thiểu là 200 tỷ đồng trở lên. Quy định này nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở những nơi khó khăn, có ý nghĩa lớn về mặt xã hội và giúp nhiều đối tượng được thụ hưởng trong khi nguồn lực đầu tư công còn hạn hẹp, không đáp ứng được nhu cầu. Riêng đối với loại dự án áp dụng loại hợp đồng kinh doanh - quản lý thì không khống chế tổng mức đầu tư tối thiểu do loại dự án này không có cấu phần xây dựng.

**5. Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP (Điều 12)**

*- Một số ý kiến đề nghị bổ sung, quy định rõ thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP để phù hợp với Luật Đầu tư công.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, bổ sung thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thực hiện tại địa phương.

*- Một số ý kiến cho rằng, cần xem xét, rà soát lại sự phù hợp về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 12 theo hướng làm rõ các tiêu chí của dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và Luật Đầu tư.

*- Có ý kiến cho rằng quy định tại điểm a khoản 1 và điểm b, đ khoản 2 chưa thống nhất với nhau về số vốn đầu tư công hay tổng mức đầu tư, đề nghị rà soát để bảo đảm tính thống nhất đối với tiêu chí về vốn trong Luật này và các luật có liên quan.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: quy định tại điểm a khoản 1 và quy định tại các điểm b, đ khoản 2 không mâu thuẫn do điểm a khoản 1 Điều 12 quy định về quy mô tổng vốn đầu tư công trong dự án PPP từ 10.000 tỷ đồng trở lên, phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư công (khoản 1 Điều 7); các điểm b, đ khoản 2 Điều 12 quy định về tổng mức đầu tư của dự án do có thể có nguồn vốn hỗn hợp, bao gồm cả vốn đầu tư công và vốn đầu tư của tư nhân.

**6. Về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP (Điều 18)**

*- Một số ý kiến đề nghị quy định cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP chịu trách nhiệm điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP trong mọi trường hợp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, quy định tương tự như tại Điều 34 (Điều chỉnh chủ trương đầu tư) của Luật Đầu tư công, theo đó quy định tại khoản 2 Điều 18: “Cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP là cấp quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án và chịu trách nhiệm về quyết định của mình”. Điều kiện, trình tự, hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP thực hiện theo quy định tại dự thảo Luật đối với nội dung điều chỉnh.

* *Có ý kiến đề nghị xem xét lại quy định tại điểm b khoản 1: trường hợp giảm dưới 20% làm thay đổi cấp có thẩm quyền thấp hơn là không cần thiết, làm phát sinh thủ tục vì chủ trương do cấp trên quyết định thì hiệu lực, thẩm quyền cao hơn, bảo đảm phù hợp với hệ thống pháp luật trong đầu tư xây dựng hiện nay.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, chỉnh lý khoản 1 Điều 18, theo đó rà soát bỏ trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP khi điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư dưới 20%.

* *Có ý kiến đề nghị xem xét lại quy định về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án khi tổng mức đầu tư tăng từ 20% trở lên vì cho rằng mức này quá cao.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu ý kiến đại biểu, sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể các trường hợp được điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP tại khoản 1 Điều 18, trong đó có trường hợp tăng giá trị vốn nhà nước trong dự án PPP để phù hợp với Luật Đầu tư công và trường hợp tăng tổng mức đầu tư từ 10% trở lên so với tổng mức đầu tư đã được quyết định tại bước chủ trương đầu tư dự án trong một số trường hợp (sự kiện bất khả kháng; quy hoạch, chính sách pháp luật thay đổi; điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi) vì cho rằng quyết định chủ trương đầu tư dự án trên cơ sở báo cáo nghiên cứu tiền khả thi với các nội dung đánh giá sơ bộ, do vậy các thông tin, số liệu có thể thay đổi, tuy nhiên, mức thay đổi tăng tổng mức đầu tư không được quá lớn. Đồng thời, để hạn chế việc phải điều chỉnh chủ trương đầu tư nhiều lần và tránh thủ tục phức tạp, kéo dài, dự thảo Luật quy định trường hợp thay đổi tăng tổng mức đầu tư từ 10% trở lên thì mới phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (tương tự mức quy định trong dự thảo Luật Đầu tư sửa đổi).

* *Có ý kiến đề nghị quy định mức tối đa trong tăng tổng mức đầu tư khi quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, bảo đảm nguyên tắc không vượt mức trần được phép điều chỉnh; có thể nghiên cứu “không quá 30% hoặc không quá 3 lần mức dự phòng của dự án, nếu cao hơn phải báo cáo cấp có thẩm quyền cao hơn một cấp”.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu ý kiến đại biểu, bổ sung tại khoản 1 Điều 18 quy định trường hợp thay đổi tăng tổng mức đầu tư từ 10% trở lên thì phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, quy định tại khoản 4 Điều 51 về tăng tổng mức đầu tư sau khi đã sử dụng hết dự phòng; sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 18 về mức trần, cụ thể trường hợp điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư từ 30% trở lên đối với dự án do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư thì thực hiện báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định; đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, chấp thuận; đối với dự án do Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương và cơ quan khác, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

**7. Về lựa chọn nhà đầu tư (Chương III)**

*Đa số ý kiến thống nhất việc quy định Chương “Lựa chọn nhà đầu tư” ngay tại dự thảo Luật, đồng thời yêu cầu bổ sung quy định chi tiết hơn tại Chương này, cần hướng đến đấu thầu rộng rãi, quy định cụ thể các tiêu chí đánh giá về năng lực và tài chính của nhà đầu tư để lựa chọn được nhà đầu tư đủ tiêu chuẩn trong quá trình thực hiện dự án; thận trọng trong việc chỉ định thầu đối với các dự án PPP, tránh xảy ra tiêu cực đối với các trường hợp chỉ định thầu.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, sửa đổi, bổ sung một số nội dung cụ thể tại Chương III, tăng từ 9 điều tại dự thảo Luật đã trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 8 thành 16 điều; bố cục lại Chương III thành 3 mục với các nội dung: quy định chung về lựa chọn nhà đầu tư; hình thức lựa chọn nhà đầu tư; phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu. Các nội dung này được thiết kế dựa trên nguyên tắc chuyển những quy định liên quan đến lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP từ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 sang dự án Luật PPP và sửa đổi, bổ sung những quy định đặc thù cho phù hợp với việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP, đồng thời sửa đổi, bổ sung tại Điều 104 (Sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan) của dự thảo Luật các quy định liên quan đến lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP tại Luật Đấu thầu. Việc tiếp thu, bổ sung nội dung quy định chi tiết hơn về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP tại Chương này nhằm bảo đảm quy định đồng bộ, thống nhất cả vòng đời dự án từ việc chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư, thành lập doanh nghiệp dự án, ký kết hợp đồng, triển khai thực hiện, chuyển giao, thanh lý hợp đồng dự án PPP.

**8. Về cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu (Điều 84)**

*- Nhiều ý kiến thống nhất phải có cơ chế chia sẻ rủi ro về doanh thu, theo đúng bản chất đối tác giữa khu vực công và khu vực tư. Tuy nhiên, đề nghị quy định cơ chế này áp dụng đối với tất cả các dự án PPP.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu ý kiến đại biểu, áp dụng cơ chế chia sẻ đối với tất cả các dự án PPP theo cơ chế chia sẻ 50 - 50, bảo đảm tính công khai, minh bạch và sự công bằng, hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án PPP.

*- Có ý kiến đề nghị sử dụng nguồn chi thường xuyên để thực hiện cơ chế chia sẻ vì cho rằng chi thường xuyên như chi trả nợ thuộc nghĩa vụ của Nhà nước và có tính khả thi khi thực hiện. Ý kiến khác đề nghị sử dụng nguồn dự phòng chung nguồn ngân sách trung ương của kế hoạch đầu tư công trung hạn quốc gia để thực hiện cơ chế chia sẻ.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 76 (Lập kế hoạch vốn đầu tư công đối với dự án PPP), xác định rõ nguồn để thực hiện cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu (theo phương án 1) hoặc chia sẻ phần lỗ (theo phương án 2) được tổng hợp trong dự phòng chung nguồn ngân sách trung ương của kế hoạch đầu tư công trung hạn quốc gia đối với dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quyết định chủ trương đầu tư hoặc dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương đối với dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

*- Một số ý kiến đề nghị quy định rõ về nguyên tắc chia sẻ, khi nào thì chia sẻ rủi ro, chia sẻ rủi ro ở mức nào và rủi ro nào Nhà nước phải chịu, rủi ro nào nhà đầu tư phải chịu; chia sẻ rủi ro bằng doanh thu khi giảm doanh thu hay chỉ chia sẻ rủi ro khi thua lỗ, mất vốn; quy định về cấp có thẩm quyền quyết định, điều kiện, đối tượng áp dụng, nguồn tiền để xử lý khi rủi ro xảy ra, cách thức kiểm soát và quản lý rủi ro tài chính quốc gia. Có ý kiến kiến nghị không áp dụng cơ chế chia sẻ rủi ro theo cơ chế điều chỉnh giá, thời hạn hợp đồng, không áp dụng cơ chế chia sẻ doanh thu bằng tiền vì cho rằng trong điều kiện năng lực dự báo, quản lý của các cơ quan nhà nước cũng như khả năng cân đối ngân sách nhà nước, áp dụng cơ chế chia sẻ rủi ro như dự thảo Luật sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro cho Nhà nước; làm rõ cơ sở xác định mức chia sẻ rủi ro 50%, 75%....*

Về nội dung này do còn có ý kiến khác nhau nên Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin trình 02 phương án tại Điều 84 của dự thảo Luật để Quốc hội xem xét, quyết định, cụ thể:

**Phương án 1: Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu**

*(1) Về căn cứ, điều kiện áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu*: xin tiếp thu sửa đổi, bổ sung quy định tại các Điều 51 (Sửa đổi hợp đồng dự án PPP), Điều 52 (Thời hạn hợp đồng dự án PPP) và Điều 84 (Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu) xác định không phải trong mọi trường hợp đều được áp dụng cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu. Cụ thể: (i) việc chia sẻ phần tăng doanh thu được áp dụng sau khi đã thực hiện điều chỉnh thời hạn hợp đồng PPP theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 52; (ii) việc chia sẻ phần giảm doanh thu chỉ được thực hiện khi dự án PPP đáp ứng đầy đủ các điều kiện chặt chẽ quy định tại khoản 2 Điều 84 dự thảo Luật: dự án do cơ quan có thẩm quyền lập; áp dụng loại hợp đồng BOT, BTO, BOO và không sử dụng vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan thay đổi làm doanh thu thực tế thấp hơn doanh thu cam kết tại hợp đồng; đã thực hiện đầy đủ các biện pháp điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ hoặc điều chỉnh thời hạn hợp đồng PPP nhưng vẫn chưa bảo đảm được mức doanh thu cam kết tại hợp đồng.

*(2) Về việc áp dụng cơ chế chia sẻ khi dự án giảm doanh thu mà không áp dụng cơ chế chia sẻ khi nhà đầu tư dự án PPP thua lỗ, mất vốn*: dự án PPP được xem xét, đánh giá tính khả thi, hiệu quả về mặt tài chính căn cứ phương án tài chính của dự án, trong đó “thời điểm hoàn vốn cho dự án” là một yếu tố quan trọng. Với bản chất dài hạn, thời điểm hoàn vốn của dự án PPP có thể lên đến hàng chục năm kể từ thời điểm ký kết hợp đồng dự án. Theo đó, trên thực tế, dự án PPP chỉ được xác định thua lỗ, mất vốn khi không đạt điểm hoàn vốn (bắt đầu có lãi) theo phương án tài chính. Do đó, dự thảo Luật PPP không tiếp cận theo hướng chia sẻ khi nhà đầu tư dự án PPP thua lỗ, mất vốn, mà chỉ xem xét việc áp dụng chia sẻ khi doanh thu của dự án bị sụt giảm do lỗi từ phía Nhà nước. Mặt khác, sụt giảm doanh thu lớn sẽ trực tiếp ảnh hưởng tới dòng tiền của doanh nghiệp, có khả năng tác động đến khả năng trả nợ đối với bên cho vay nên cần cơ chế để xử lý ngay cho từng năm. Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu sẽ được xem xét trên cơ sở kiểm soát doanh thu hàng năm quy định tại khoản 4 Điều 85 của dự thảo Luật.

*(3) Về cơ sở xác định các mức tỷ lệ trong cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu*, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo như sau:

- Về tỷ lệ 50%-50%: hồ sơ dự án Luật do Chính phủ trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 8, cơ chế này được đề xuất theo hướng Nhà nước chia sẻ không quá 50% phần hụt thu và nhà đầu tư chia sẻ không thấp hơn 50% phần tăng thu. Một số ý kiến cho rằng quy định như vậy không rõ, không bảo đảm sự bình đẳng trong mối quan hệ chia sẻ giữa Nhà nước và tư nhân, do vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu theo hướng cố định tỷ lệ 50%-50%.

*- Về mức doanh thu cam kết ghi trong hợp đồng làm cơ sở bắt đầu chia sẻ rủi ro:* hồ sơ dự án Luật trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 8 không quy định cụ thể mức này. Một số ý kiến yêu cầu phải có giá trị cụ thể, đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm một số nước[[8]](#footnote-8) và thực tiễn một số dự án BOT giao thông[[9]](#footnote-9), do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu theo hướng:

+ Khi doanh thu thực tế chỉ đạt 75% doanh thu trong phương án tài chính trở xuống, với các dự án đủ điều kiện, Nhà nước bắt đầu xem xét, tính toán việc chia sẻ phần giảm doanh thu.

+ Khi doanh thu thực tế đạt từ 125% doanh thu trong phương án tài chính trở lên, Nhà nước bắt đầu xem xét, yêu cầu nhà đầu tư chia sẻ phần tăng doanh thu.

**Phương án 2: Cơ chế chia sẻ lỗ, lãi**

*(1) Về căn cứ, điều kiện áp dụng cơ chế chia sẻ phần lỗ, lãi:* xin tiếp thu sửa đổi, bổ sung quy định tại các Điều 51 (Sửa đổi hợp đồng dự án PPP), Điều 52 (Thời hạn hợp đồng dự án PPP) và Điều 84 (Cơ chế chia sẻ lỗ, lãi) xác định không phải trong mọi trường hợp đều được áp dụng cơ chế chia sẻ lỗ, lãi. Cụ thể: (i) việc chia sẻ phần lãi tăng thêm sau điểm hòa vốn so với phương án tài chính tại hợp đồng được áp dụng sau khi đã thực hiện điều chỉnh thời hạn hợp đồng PPP theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 52; (ii) việc chia sẻ phần lỗ sau điểm hòa vốn so với phương án tài chính tại hợp đồng chỉ được thực hiện khi dự án PPP đáp ứng đầy đủ các điều kiện chặt chẽ quy định tại khoản 2 Điều 84 dự thảo Luật: dự án do cơ quan có thẩm quyền lập; áp dụng loại hợp đồng BOT, BTO, BOO và không sử dụng vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan thay đổi làm doanh nghiệp dự án PPP bị thua lỗ; đã thực hiện đầy đủ các biện pháp điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ hoặc điều chỉnh thời hạn hợp đồng PPP nhưng doanh nghiệp vẫn bị thua lỗ.

*(2) Cơ chế chia sẻ lỗ, lãi* phải được xác định tại quyết định chủ trương đầu tư. Đối với dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, việc chia sẻ phần lỗ do ngân sách địa phương bảo đảm. Từ thời điểm phát sinh sự thay đổi của quy hoạch, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các bên trong hợp đồng dự án PPP xác định phần lỗ thực tế gửi cơ quan tài chính theo phân cấp xem xét thực hiện cơ chế chia sẻ phần lỗ, lãi. Việc hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước khi chia sẻ phần lỗ, lãi thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

(3) *Về cơ sở xác định tỷ lệ* 50%-50% *trong cơ chế chia sẻ lỗ, lãi*: Nhà nước chia sẻ với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP 50% phần lỗ sau điểm hòa vốn so với phương án tài chính tại hợp đồng hoặc nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chia sẻ với Nhà nước 50% phần lãi tăng thêm sau điểm hòa vốn so với phương án tài chính tại hợp đồng nhằm bảo đảm sự bình đẳng trong mối quan hệ chia sẻ giữa Nhà nước và tư nhân.

**9. Về hoạt động kiểm toán Nhà nước trong đầu tư theo phương thức PPP (Điều 87)**

*- Một số ý kiến cho rằng Kiểm toán Nhà nước chỉ kiểm toán tài sản công, tài chính công trong dự án PPP, không kiểm toán vốn đầu tư tư nhân trong dự án. Một số ý kiến khác cho rằng dự án PPP bản chất là đầu tư công nên Kiểm toán Nhà nước phải kiểm toán toàn bộ dự án PPP, kể cả phần đầu tư từ nguồn vốn tư nhân. Có ý kiến đề nghị cần cân nhắc kỹ thời điểm nào, giai đoạn nào thực hiện kiểm toán dự án PPP, tránh gây khó khăn trong hoạt động của dự án.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội thấy rằng, dự án PPP không hoàn toàn là dự án đầu tư công cũng như không hoàn toàn là đầu tư tư nhân, bản chất dự án PPP là dự án nhằm mục tiêu công nhưng có sự kết hợp công-tư trong đầu tư vốn, quản trị dự án,trải qua quá trình lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của Luật PPP và pháp luật có liên quan. Cơ chế, chính sách pháp luật vừa phải bảo đảm chất lượng dịch vụ công nhưng đồng thời phải tạo điều kiện thu hút, huy động tối đa nguồn vốn từ khu vực tư nhân đầu tư vào các dự án PPP. Mặt khác, Hiến pháp và pháp luật về kiểm toán Nhà nước quy định Kiểm toán Nhà nước chỉ thực hiện kiểm toán tài chính công, tài sản công[[10]](#footnote-10). Do đó, nếu quy định kiểm toán toàn bộ dự án, kể cả phần vốn đầu tư từ khu vực tư nhân sẽ khó thu hút, huy động được nguồn vốn từ khu vực tư nhân cho sự phát triển. Ngoài ra, theo khuyến nghị của Tổ chức các cơ quan kiểm toán tối cao quốc tế, đối với tài liệu liên quan của bên đối tác tư nhân, Kiểm toán Nhà nước chỉ được tiếp cận nếu các bên có thỏa thuận trong hợp đồng dự án PPP mà không đương nhiên có quyền tiếp cận như đối với tài liệu của bên đối tác là khu vực công. Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động kiểm toán Nhà nước như sau:

(i) Kiểm toán tuân thủ về quá trình chuẩn bị dự án, kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án PPP.

Nội dung kiểm toán này được quy định căn cứ khuyến nghị tại chuẩn mực kiểm toán số ISSAI 5220 của Tổ chức các cơ quan kiểm toán tối cao quốc tế mà Kiểm toán Nhà nước Việt Nam là thành viên. Dự thảo Luật đã lược bỏ quy định về thời điểm yêu cầu đối với nội dung kiểm toán này;

(ii) Kiểm toán việc sử dụng vốn nhà nước bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm (nếu có) quy định tại Điều 74 của Luật này, hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng khi tách thành một dự án thành phần quy định tại điểm a khoản 5 Điều 72 của Luật này, sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật này;

(iii) Kiểm toán hoạt động để đánh giá tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trên cơ sở các chỉ số đánh giá chất lượng sản phẩm, dịch vụ của dự án PPP;

(iv) Khi chuyển giao cho Nhà nước, thực hiện kiểm toán toàn bộ giá trị tài sản của dự án PPP.

* *Có ý kiến đề nghị ngoài vai trò của Kiểm toán Nhà nước đối với tài sản công và tài chính công thì thực hiện kiểm toán độc lập đối với phần vốn đầu tư của tư nhân và trách nhiệm của các đơn vị có liên quan trong việc phải cung cấp số liệu.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: tại khoản 3 Điều 63 (Quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng) cũng đã xác định vai trò của kiểm toán độc lập trong dự án PPP, cụ thể: cơ quan ký kết hợp đồng thỏa thuận với doanh nghiệp dự án PPP tại hợp đồng việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập, có năng lực và kinh nghiệm để thực hiện việc kiểm toán vốn đầu tư xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng. Việc quy định rõ vai trò của Kiểm toán Nhà nước và kiểm toán độc lập trong dự thảo Luật là cần thiết và phù hợp với tính chất đặc thù của dự án PPP có sự tham gia vốn đầu tư từ cả phía Nhà nước và khu vực tư nhân. Bên cạnh hoạt động kiểm toán, Chương VIII cũng đã quy định về hoạt động kiểm tra, thanh tra chuyên ngành và giám sát của cơ quan quản lý nhà nước, giám sát của cộng đồng đối với hoạt động đầu tư theo phương thức PPP, đây là những công cụ của Nhà nước nhằm kiểm soát, bảo đảm hiệu quả của dự án PPP.

**10. Vốn nhà nước trong dự án PPP (mục 1 Chương VI)**

*- Một số ý kiến đề nghị làm rõ quy định từ Điều 71 - Điều 75 về vốn Nhà nước trong các dự án PPP; đề nghị quy định tỷ lệ mức vốn nhà nước hỗ trợ dự án không quá 49% tổng mức đầu tư dự án.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: vốn nhà nước có thể tham gia ở tất cả các dự án PPP phụ thuộc vào khả năng cân đối vốn nhà nước trong từng thời kỳ do cơ quan có thẩm quyền quyết định cũng như tùy thuộc vào tính chất và tính khả thi của dự án theo hướng nhà đầu tư sẽ tham gia ở mức tối đa và Nhà nước tham gia ở mức tối thiểu. Ngoài ra, vốn nhà nước chỉ tham gia trong trường hợp hỗ trợ xây dựng công trình, cơ sở hạ tầng giai đoạn đầu tư xây dựng nhằm gia tăng tính hiệu quả về tài chính cho dự án; thanh toán trên cơ sở chất lượng sản phẩm, dịch vụ công được sử dụng trong hợp đồng BLT, BT; kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm (nếu có) theo quy định của pháp luật về đầu tư công; các chi phí cho các cơ quan nhà nước triển khai, thực hiện dự án (chi phí của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, Hội đồng thẩm định dự án) và chi trả phần giảm doanh thu. Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn, báo cáo nghiên cứu khả thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, kết quả lựa chọn nhà đầu tư, vốn đầu tư công trong dự án PPP được tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công hằng năm. Tiếp thu ý kiến đại biểu, xin sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 71 (Sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP), cụ thể: tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP và chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm không quá 50% tổng mức đầu tư. Đối với dự án có nhiều dự án thành phần, trong đó có dự án thành phần áp dụng phương thức PPP thì tỷ lệ vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng được xác định trên tổng mức đầu tư của dự án thành phần. Tùy theo tính chất của từng dự án, căn cứ phương án tài chính cụ thể của dự án được nghiên cứu và khả năng bố trí vốn đầu tư công theo từng thời kỳ sẽ bố trí mức vốn nhà nước phù hợp, do đó khoản 3 Điều 71 giao Chính phủ quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP.

*- Có ý kiến đề nghị về lập kế hoạch vốn đầu tư công cho dự án PPP cần có nội dung quy định có một dòng ngân sách riêng cho mục tiêu này.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư công đã được pháp luật về đầu tư công quy định, do đó, đề xuất khi lập kế hoạch vốn đầu tư công cần có một dòng ngân sách riêng bố trí trong dự án PPP quy định trong dự thảo Luật này là không phù hợp.

* *Có ý kiến đề nghị không sử dụng vốn nhà nước để xử lý khi phát sinh trường hợp chia sẻ giảm doanh thu mà nên nghiên cứu, bổ sung chức năng cho Quỹ tích lũy trả nợ để xử lý..*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: Trong quá trình thảo luận, lấy ý kiến về dự án Luật, có ý kiến đề nghị bổ sung chức năng cho Quỹ tích lũy trả nợ quy định tại Luật Quản lý nợ công để thực hiện nhiệm vụ nêu trên, tuy nhiên việc bổ sung chức năng cho Quỹ tích lũy trả nợ chưa được đánh giá tác động chính sách kỹ lưỡng, ngoài ra chưa được Chính phủ thống nhất trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 8. Do vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin Quốc hội cho giữ quy định việc sử dụng vốn nhà nước để xử lý trường hợp chia sẻ phần giảm doanh thu (theo phương án 1) hoặc chia sẻ phần lỗ (theo phương án 2) với nguồn chi trả từ nguồn dự phòng chung ngân sách trung ương của kế hoạch đầu tư công trung hạn quốc gia như quy định tại khoản 4 Điều 76 (Lập kế hoạch vốn đầu tư công đối với dự án PPP) của dự thảo Luật.

**11. Về các quy định đối với hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT)**

*Một số ý kiến thống nhất việc tiếp tục triển khai dự án theo hình thức hợp đồng BT nhưng cần quy định chặt chẽ và minh bạch, bảo đảm xử lý được các vấn đề tiêu cực xảy ra thời gian vừa qua; sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật có liên quan, bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ và khả thi của hệ thống pháp luật. Có ý kiến cho rằng các phương thức thanh toán cho hợp đồng BT rộng hơn quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, dự thảo Luật PPP không giao Chính phủ quy định chi tiết nên không rõ cơ chế để có thể triển khai thực hiện; quy định về việc thanh toán cho nhà đầu tư bằng số tiền thu được từ bán đấu giá tài sản công chưa bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Ngân sách nhà nước.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến dự án BT theo phương thức mới theo hướng chặt chẽ hơn tại dự thảo Luật, tạo lập cơ sở pháp lý thống nhất để điều chỉnh dự án BT nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc phát sinh trong thời gian qua và bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 12, khoản 2 Điều 14, khoản 6 Điều 19, khoản 3 Điều 41 và khoản 3 Điều 45 của dự thảo Luật[[11]](#footnote-11).

Đồng thời, đề nghị Chính phủ tiếp tục nghiên cứu, rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các luật liên quan nhằm minh bạch hơn nữa trong quản lý, bảo đảm xử lý được các vấn đề tiêu cực đối với việc triển khai thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT[[12]](#footnote-12).

* *Có ý kiến đề nghị dừng việc triển khai mới các dự án áp dụng loại hợp đồng BT, không quy định trong Luật này về loại hợp đồng BT vì không hoàn toàn đúng bản chất của dự án PPP*.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: các dự án BT đã thực hiện thời gian qua bộc lộ nhiều hạn chế, vướng mắc như xác định chưa chính xác giá trị công trình BT, giá trị quỹ đất thanh toán gây thất thoát lớn, chưa bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án, đồng thời cũng không gắn trách nhiệm của nhà đầu tư trong việc bảo trì dài hạn, hỗ trợ tổ chức, đơn vị vận hành công trình. Tuy nhiên, thực tiễn thời gian qua BT là phương thức thực hiện chủ yếu (56% số dự án) trong các phương thức PPP, hiện vẫn còn nhiều dự án đang triển khai. Do vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin Quốc hội được giữ phương thức đầu tư này với những sửa đổi, bổ sung như quy định tại dự thảo Luật.

**II. NHỮNG NỘI DUNG KHÁC**

**1. Những quy định chung (Chương I)**

**-** *Có ý kiến đề nghị phân loại dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) tại Điều 4 dự thảo Luật PPP như phân loại dự án đầu tư công quy định tại Luật Đầu tư công.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo như sau: dự án PPP có đặc thù khác với dự án đầu tư công do có sự tham gia đầu tư từ cả Nhà nước và khu vực tư nhân nên cần phân loại dự án theo cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư (tại địa phương, chỉ phân cấp đến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, không phân cấp xuống cấp huyện, xã như dự án đầu tư công).

* *Có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của mình” vì đối với địa phương, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư là Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan có thẩm quyền ký hợp đồng và ủy quyền cho cơ quan, đơn vị trực thuộc ký hợp đồng.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 như tại dự thảo Luật.

*- Nhiều ý kiến nhất trí với việc thành lập Hội đồng thẩm định dự án PPP tại Điều 6, tuy nhiên đề nghị làm rõ thêm về nguyên tắc thành lập, thời hạn, thành phần, cơ quan chủ trì, thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng thẩm định, chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng thẩm định; làm rõ các quy định liên quan đến việc Hội đồng thẩm định được thuê tư vấn hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ thẩm định dự án PPP.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, quy định rõ về thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định cũng như phân định rõ hình thức tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định phù hợp với từng loại dự án PPP, cụ thể Hội đồng thẩm định nhà nước, Hội đồng thẩm định liên ngành và Hội đồng thẩm định nội bộ quy định tại Điều 6 và sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan tại Điều 13 (Trình tự quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP), Điều 75 (Chi phí của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, đơn vị chuẩn bị dự án, bên mời thầu, Hội đồng thẩm định dự án PPP, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định dự án PPP). Đối với các quy định khác liên quan đến Hội đồng thẩm định như thời hạn, thành phần, thuê tư vấn... tương đối chi tiết và cụ thể, tùy thuộc vào tính chất và loại dự án, nên giao Chính phủ quy định chi tiết.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung khoản 1 Điều 10 (Các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư theo phương thức PPP) như sau: “Đưa, nhận, môi giới hối lộ trong hoạt động đầu tư dự án PPP”; quy định cụ thể về việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ, làm rõ các hành vi bị cấm trong chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 10 theo hướng làm rõ các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư theo phương thức PPP và gắn với quá trình từ quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, lựa chọn nhà đầu tư, chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng PPP; đã quy định cụ thể tại khoản 7 về chuyển nhượng cổ phần, quyền và nghĩa vụ, tại khoản 9 về đưa, nhận, môi giới hối lộ.

* *Có ý kiến đề nghị bổ sung tại Điều 10 nội dung“Cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát không kết luận hoặc kết luận không đầy đủ những hành vi của cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm các quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP và pháp luật khác có liên quan”.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: nội dung quy định như trên đã được quy định tại một số luật chuyên ngành về thanh tra, kiểm toán, giám sát và tại Luật Phòng, chống tham nhũng, do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin Quốc hội không quy định lại trong dự thảo Luật PPP.

* *Có ý kiến đề nghị tại khoản 2 Điều 11 về quy trình thực hiện dự án PPP ứng dụng công nghệ cao cần quy định biện pháp xử lý trong trường hợp sau khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi mà năng lực nhà thầu không đáp ứng, nhằm kịp thời ngăn chặn nguy cơ dẫn đến rủi ro, lãng phí về thời gian, nguồn lực; đề nghị bổ sung tại khoản 4 Điều 11 về nội dung vốn nhà nước thanh toán cho công tác giám sát chất lượng công trình như quy định tại Điều 5 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: đối với nội dung quy định biện pháp xử lý trong trường hợp sau khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi mà năng lực nhà thầu không đáp ứng được thì tại khoản 1 Điều 49 (Điều kiện ký kết hợp đồng) đã quy định về việc “Hợp đồng được ký kết trên cơ sở quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, kết quả đàm phán hợp đồng, hồ sơ dự thầu còn hiệu lực,thông tin năng lực của nhà đầu tư đã được cập nhật tại thời điểm ký kết và hồ sơ mời thầu”.

Đối với việc bổ sung tại khoản 4 Điều 11 (Quy trình thực hiện dự án PPP) về nội dung vốn nhà nước thanh toán cho công tác giám sát chất lượng công trình thì tại điểm đ khoản 1 Điều 71 (Sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP) đã quy định: “Chi phí của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, đơn vị chuẩn bị dự án, bên mời thầu để thực hiện các hoạt động thuộc nhiệm vụ của mình quy định tại Điều 11 của Luật này”.

**2. Chuẩn bị dự án (Chương II)**

**2.1. Về chuẩn bị dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (Mục 1)**

*- Có ý kiến cho rằng quy định tại khoản 5 Điều 13 (Trình tự quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP) khó khả thi vì đối với dự án PPP sử dụng vốn chi thường xuyên, hợp đồng PPP có thể kéo dài hàng chục năm, do đó để bảo đảm cân đối nguồn vốn hàng năm và dài hạn thì các Bộ, ngành có trách nhiệm đề xuất, nhưng Bộ Tài chính cần có ý kiến thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn thì mới bảo đảm tính khả thi (đối với dự án sử dung NSTW), Sở tài chính thẩm định (đối với các dự án sử dụng NSĐP). Đây cũng là thông lệ quốc tế mà các tổ chức quốc tế khuyến nghị quy định rõ trong Luật PPP.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, sửa đổi, bổ sung như quy định tại khoản 5 Điều 13, cụ thể: “Đối với dự án sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên hoặc nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP, cơ quan tài chính các cấp thẩm định khả năng cân đối của ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư”.

*Có ý kiến đề nghị quy định tại Điều 19 về nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP quan trọng quốc gia cần thống nhất với quy định của Luật Đầu tư công[[13]](#footnote-13).*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP quy định tại dự thảo Luật PPP đã bổ sung các nội dung như phương án tài chính, cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu… so với quy định của Luật Đầu tư công. Khi Luật PPP được ban hành và có hiệu lực, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đối với tất cả dự án PPP, kể cả dự án PPP quan trọng quốc gia phải tuân thủ quy định tại Luật PPP. Do đó, để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, xin tiếp thu bổ sung quy định tại Điều 104 sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 40 Luật Đầu tư công như sau: “*Nguyên tắc, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư”*.

## - *Có ý kiến đề nghị bổ sung tại Điều 20 (Hồ sơ, nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi) quy định về hồ sơ ý kiến tham vấn cộng đồng và phản biện xã hội (ngoài các loại tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1), làm cơ sở để Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư, bảo đảm đánh giá toàn diện các mặt của dự án và đồng thuận xã hội; giúp cho việc triển khai dự án theo kế hoạch được thuận lợi.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: nội dung này đã được quy định tại khoản 1 Điều 19 (Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi), theo đó đơn vị chuẩn bị dự án lập báo cáo nghiên cứu khả thi bao gồm nội dung kết quả tiếp thu ý kiến tham vấn, phản biện xã hội của cơ quan, tổ chức có liên quan về tác động của dự án.

**2.2. Về chuẩn bị dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (Mục 2)**

*- Có ý kiến đề nghị hạn chế các dự án do nhà đầu tư đề xuất mà việc đề xuất dự án phải do cơ quan nhà nước lập để bảo đảm quy hoạch, định hướng tập trung có hiệu quả vốn đầu tư, tránh rủi ro, thiếu minh bạch khi triển khai, các dự án PPP phải nằm trong kế hoạch đầu tư công. Ý kiến khác cho rằng cần quy định để thu hút nhà đầu tư chủ động đề xuất dự án PPP; đề nghị nghiên cứu, hoàn chỉnh quy trình chuẩn bị đầu tư trong trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: việc cho phép nhà đầu tư đề xuất dự án là cách làm được công nhận rộng rãi tại nhiều quốc gia triển khai đầu tư theo phương thức PPP. Tuy nhiên, nhà đầu tư được đề xuất dự án PPP phải đáp ứng các điều kiện quy định một cách chặt chẽ tại Luật PPP nhằm bảo đảm việc đầu tư PPP theo đúng mục đích công, không cho phép thực hiện đầu tư PPP đối với các dự án có mục đích kinh doanh thuần túy. Tuy nhiên, để bảo đảm chặt chẽ hơn trong việc đề xuất dự án PPP, xin sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 26 (Điều kiện đối với dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất) và Điều 27 (Trình tự chuẩn bị dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất). Việc nhà đầu tư đề xuất dự án không đương nhiên đồng nghĩa với việc nhà đầu tư này được giao thực hiện dự án. Việc thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất cũng như việc lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của nhà đầu tư đề xuất dự án phải tuân thủ trình tự quy định như đối với các dự án do cơ quan có thẩm quyền lập. Nhà đầu tư đề xuất dự án chịu mọi chi phí, rủi ro nếu báo cáo nghiên cứu tiền khả thi không được phê duyệt. Trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án không được lựa chọn thì được nhà đầu tư trúng thầu hoàn trả chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

* *Có ý kiến đề nghị xem lại quy định về việc doanh nghiệp đề xuất dự án*, *dự án do doanh nghiệp đề xuất phải nằm trong kế hoạch, quy hoạch, lĩnh vực đầu tư công do Nhà nước chịu trách nhiệm.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: Dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 26, trong đó có điều kiện dự án được đề xuất phải thuộc lĩnh vực đầu tư PPP, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Riêng với đề nghị quy định nhà đầu tư chỉ được đề xuất dự án đã nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, Luật Đầu tư công quy định dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư thì mới đủ điều kiện được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn. Do vậy việc quy định nhà đầu tư đề xuất được làm dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công và phải thực hiện quyết định lại chủ trương đầu tư theo quy định của Luật PPP sẽ kéo dài thời gian, tốn kém nguồn lực. Theo quy trình thực hiện, dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất cũng sẽ được cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định, xem xét có sử dụng vốn đầu tư công hay không; trường hợp dự án PPP cần vốn đầu tư công hỗ trợ thì sẽ tiến hành bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của pháp luật.

* *Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, hoàn chỉnh quy trình chuẩn bị đầu tư quy định tại mục 2 Chương II trong các trường hợp dự án là do nhà đầu tư đề xuất, có thể cân nhắc để đưa ra danh mục các dự án kêu gọi đầu tư để nhà đầu tư lựa chọn. Đồng thời, việc phê duyệt chủ trương đầu tư và lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi cũng phải được cơ quan nhà nước thực hiện, sau đó công bố rộng rãi để kêu gọi đầu tư sẽ bảo đảm khách quan, minh bạch.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: các nội dung đã được quy định cụ thể tại mục 2 Chương II liên quan đến điều kiện, trình tự chuẩn bị dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất, theo đó sau khi dự án do nhà đầu tư đề xuất được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan có thẩm quyền tổ chức công bố thông tin về dự án theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của dự thảo Luật. Ngoài ra, tại Điều 9 cũng đã quy định về việc công khai, minh bạch trong đầu tư theo phương thức PPP.

**3. Về lựa chọn nhà đầu tư (Chương III)**

*- Một số ý kiến đề nghị rà soát lại các vấn đề về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, như phương pháp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, nhất là những vấn đề liên quan đến đất đai, quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia; đề nghị xem xét lại quy định tại Điều 39 (Chỉ định nhà đầu tư), đối với dự án thuộc quốc phòng, an ninh quốc gia, bí mật nhà nước thì phải thực hiện đầu tư công và các lĩnh vực này không phù hợp với lĩnh vực đầu tư dự án PPP quy định tại khoản 1 Điều 4, nên không chỉ định thầu đối với dự án PPP trong các trường hợp này.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: việc huy động nguồn lực tư nhân đầu tư theo phương thức PPP trong các lĩnh vực đã được xác định tại khoản 1 Điều 4. Tuy nhiên, trong trường hợp dự án thuộc các lĩnh vực này cần phải bảo đảm yếu tố quốc phòng, an ninh quốc gia hoặc bí mật nhà nước thì việc lựa chọn nhà đầu tư phải được xem xét một cách hết sức thận trọng. Theo đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu sửa đổi, bổ sung quy định các quy định sau đây tại dự thảo Luật:

+ Khoản 3 Điều 31 (Lựa chọn nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư quốc tế): Quy định rõ nguyên tắc không lựa chọn nhà đầu tư quốc tế trong trường hợp dự án cần bảo đảm về quốc phòng, an ninh quốc gia, bí mật nhà nước;

+ Điều 39 (Chỉ định nhà đầu tư): Đối với trường hợp dự án có mục tiêu trực tiếp thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, bí mật nhà nước khi thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức chỉ định nhà đầu tư; một trong những điều kiện chỉ định nhà đầu tư là phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận trên cơ sở ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng đối với yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, Bộ Công an đối với yêu cầu về bảo đảm an ninh quốc gia, Bộ quản lý chuyên ngành đối với yêu cầu về bảo đảm bí mật nhà nước;

+ Khoản 2 Điều 53 (Chấm dứt hợp đồng dự án PPP): trường hợp vì lợi ích quốc gia, mục tiêu quốc phòng, an ninh quốc gia, hợp đồng phải chấm dứt trước thời hạn.

- *Có ý kiến cho rằng có sự không thống nhất giữa quy định tại khoản 4 Điều 29 về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư với quy định liên quan trong dự thảo Luật.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 10 (Các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư theo phương thức PPP) và Điều 102 (Xử lý vi phạm trong đầu tư theo phương thức đầu tư PPP) để bảo đảm thống nhất với Điều 29 (Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư).

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về các nguyên tắc để đánh giá hồ sơ dự thầu, bảo đảm tính khách quan và minh bạch.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: các nội dung về phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đã được quy định cụ thể tại Điều 41 và Điều 42 của dự thảo Luật.

***-*** *Có ý kiến đề nghị quy định tại Điều 32 (Ngôn ngữ sử dụng trong lựa chọn nhà đầu tư):“Ngôn ngữ sử dụng trong lựa chọn nhà đầu tư là tiếng Việt và tiếng Anh đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế”.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: quy định tại Điều 32 đã nêu rõ đối với việc lựa chọn nhà đầu tư quốc tế thì ngôn ngữ sử dụng là tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh, bảo đảm sự linh hoạt và phù hợp với thông lệ quốc tế.

* *Có ý kiến đề nghị không quy định tổ chức bảo hiểm bảo lãnh bảo đảm trách nhiệm dự thầu tại Điều 33 (Bảo đảm dự thầu) và bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà đầu tư dự án PPP tại Điều 48 (Bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án PPP) bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm và tính thống nhất của hệ thống pháp luật.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: tại Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định *“Doanh nghiệp bảo hiểm là doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan để kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm”*, do đó việc quy định tổ chức bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được tham gia bảo lãnh bảo đảm dự thầu và bảo lãnh bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án PPP tại dự thảo Luật PPP là không trái với quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm.

* *Có ý kiến đề nghị làm rõ hơn quy định xử lý tình huống trong lựa chọn nhà đầu tư tại Điều 36 của dự thảo Luật.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: đây là quy định được kế thừa và thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2013, phù hợp với sự đa dạng của các tình huống phát sinh trong thực tế. Do vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin Quốc hội cho giữ như quy định của dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung trường hợp chỉ định thầu xác đáng khi chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời sơ tuyển và chỉ có một nhà đầu tư trúng sơ tuyển.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: do quy định tại Chương III dự thảo Luật có tính mới so với các quy định về lựa chọn nhà đầu tư tại Luật Đấu thầu (được bãi bỏ tại khoản 1 Điều 104) nên thủ tục không hoàn toàn trùng khớp với các văn bản hiện hành hướng dẫn Luật Đấu thầu. Theo quy định của dự thảo Luật PPP, trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu thầu rộng rãi có qua giai đoạn sơ tuyển, trường hợp kết quả sơ tuyển chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời sơ tuyển thì tiếp tục thực hiện thủ tục đấu thầu rộng rãi mà không áp dụng thủ tục chỉ định thầu.

Điều 39 dự thảo Luật chỉ quy định 02 trường hợp được xem xét áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư, bao gồm: Dự án cần bảo đảm về quốc phòng, an ninh quốc gia, bí mật nhà nước; Dự án cần phải thực hiện ngay để bảo đảm tính liên tục trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

**4. Về thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng (Chương IV)**

*- Một số ý kiến cho rằng nội dung cơ bản của hợp đồng quy định tại dự thảo Luật mới chỉ nêu định nghĩa về các loại hợp đồng, chưa làm rõ được sự khác biệt giữa các loại hợp đồng; đề nghị quy định cụ thể trình tự, thủ tục, cơ chế quản lý, các chế định liên quan đến rủi ro, tài chính, quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể trong thực hiện hợp đồng; bổ sung nội dung Chính phủ hướng dẫn chi tiết điều quy định về nội dung cơ bản của hợp đồng nhằm cụ thể hóa từng loại hợp đồng để việc thực hiện được thuận lợi.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: mỗi loại hợp đồng có nội dung cơ bản khác nhau và khá chi tiết, do vậy xin tiếp thu theo hướng bổ sung quy định tại Điều 47 (Nội dung cơ bản của hợp đồng) và giao Chính phủ quy định việc ban hành hợp đồng mẫu đối với các nhóm hợp đồng được quy định tại Điều 45 (Phân loại hợp đồng dự án PPP), theo đó sẽ cụ thể hóa về nội dung từng loại hợp đồng để việc thực hiện được thuận lợi.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét lại quy định tại điểm h khoản 1 Điều 47 (Nội dung cơ bản của hợp đồng), nội dung cơ bản của Hợp đồng phải có “Phương án xử lý trong trường hợp thay đổi cơ bản theo quy định của pháp luật về dân sự để thực hiện hợp đồng” với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 (Sửa đổi hợp đồng dự án PPP) về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng PPP được xem xét trong trường hợp: ”Dự án bị ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng”. Việc sử dụng cả hai điều khoản nêu trên trong cùng một văn bản hợp đồng là chưa hợp lý, có khả năng xung đột trong việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, sửa đổi, bổ sung như quy định tại Điều 47 và Điều 51, trong đó yêu cầu trong hợp đồng xác định rõ (i) Trường hợp bất khả kháng và phương án xử lý tương ứng; (ii) trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản và phương án xử lý tương ứng.

* *Có ý kiến đề nghị quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, giao Chính phủ hướng dẫn xác định giá trị tài sản công tham gia vào dự án đầu tư PPP.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: nội dung quy định về xác định giá trị tài sản công đã được quy định cụ thể tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin Quốc hội không quy định lại nội dung này tại dự thảo Luật.

* *Có ý kiến cho rằng quy định về giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng quy định trong hồ sơ mời thầu theo mức từ 1% đến 3% tổng mức đầu tư của dự án (khoản 3 Điều 48) là mức dao động lớn, trong quá trình thực hiện có thể áp dụng tùy tiện, do đó, đề nghị quy định cụ thể tỷ lệ % tương ứng với quy mô, tính chất của dự án.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: đây là nội dung được kế thừa và thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2013 và không có vướng mắc trong quá trình thực hiện, do vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin Quốc hội cho giữ mức từ 1% đến 3% tổng mức đầu tư của dự án như quy định của dự thảo Luật.

* *Có ý kiến cho rằng, quy định tại Điều 50 về ký kết hợp đồng dự án PPP thiếu quy định về quy trình, thủ tục chuyển giao, tiếp nhận giữa nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án về các quyền và nghĩa vụ phát sinh trong quan hệ đầu tư PPP, chưa có các quy định ràng buộc về trách nhiệm liên đới của doanh nghiệp là nhà đầu tư với doanh nghiệp dự án theo hợp đồng PPP.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: Điều 50 (Ký kết hợp đồng dự án PPP) đã quy định về việc nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP hợp thành một bên và cùng ký vào hợp đồng với cơ quan ký kết hợp đồng. Nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án PPP cùng chịu trách nhiệm về quyền và nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng.Sau khi ký kết hợp đồng, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án PPP theo quy định tại Điều 49 (Điều kiện ký kết hợp đồng). Như vậy, nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án PPP có trách nhiệm tương tự nhau trong hợp đồng PPP.

* *Có ý kiến đề nghị điều chỉnh quy định tại khoản 2 Điều 52 về thời hạn hợp đồng dự án PPP cho phù hợp với thời hạn hợp đồng theo quy định pháp luật tối đa là 70 năm; xem xét, điều chỉnh lại thời gian hợp đồng dự án không vượt quá thời hạn giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 52 (Thời hạn hợp đồng dự án PPP) theo hướng các bên ký kết hợp đồng được điều chỉnh thời hạn hợp đồng nhưng bảo đảm tổng thời hạn hợp đồng, bao gồm thời gian điều chỉnh không vượt quá thời hạn giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và không làm thay đổi các nội dung khác của quyết định chủ trương đầu tư dự án.

* *Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về tỷ lệ % doanh thu của doanh nghiệp dự án PPP vượt quá hoặc thấp hơn mức doanh thu trong phương án tài chính quy định tại hợp đồng thì sẽ được điều chỉnh thời hạn hợp đồng PPP.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, bổ sung, làm rõ các trường hợp được điều chỉnh thời hạn hợp đồng quy định tại khoản 3 Điều 52, trong đó có trường hợp khi có sự thay đổi về quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan làm giảm doanh thu dưới 75% so với mức doanh thu trong phương án tài chính quy định tại hợp đồng hoặc khi doanh thu tăng từ 125% trở lên so với mức doanh thu trong phương án tài chính quy định tại hợp đồng. Đây cũng là các điều kiện để áp dụng cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu quy định tại Điều 84 (Phương án 1).

*- Có ý kiến đề nghị quy định rõ các trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn,chỉnh lý thuật ngữ lâm vào tình trạng mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 53 về chấm dứt hợp đồng PPP để bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật Phá sản.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, bổ sung quy định tại Điều 53 (Chấm dứt hợp đồng dự án PPP) theo hướng làm rõ các trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn quy định tại khoản 2, như khi xác định doanh nghiệp dự án PPP mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản hoặc khi một trong các bên trong hợp đồng vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại hợp đồng hoặc vì lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh quốc gia... Tại khoản 5 quy định: Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do nguyên nhân từ phía Nhà nước, kinh phí mua lại doanh nghiệp dự án PPP được bố trí từ vốn nhà nước theo quy định của pháp luật. Trường hợp xác định cần tiếp tục kinh doanh công trình, dự án nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thì thực hiện theo pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

* *Có ý kiến đề nghị quy định rõ thế nào là “vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại hợp đồng” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 53 để làm căn cứ áp dụng.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: dự thảo Luật căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 423 (Hủy bỏ hợp đồng) của Bộ luật Dân sự: “Vi phạm nghiêm trọng là việc thực hiện không đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng”.

* *Một số ý kiến đề nghị quy định việc tiếp nhận tài sản của bên cho vay theo quy định tại Điều 54 của dự thảo Luật cần bảo đảm phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Đất đai. Có ý kiến cho rằng quy định tại Điều 54 (Quyền tiếp nhận dự án của bên cho vay) chưa rõ được nội hàm và chưa giải quyết được vấn đề. Ngoài ra, cũng phải làm rõ hơn việc sau khi tiếp quản hay tiếp nhận như vậy thì tổ chức tín dụng phải xử lý tài sản đó phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, tức là sau 3 năm thì phải mua lại hoặc chuyển nhượng để bảo đảm tỷ lệ sở hữu đối với bất động sản theo đúng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 54, cụ thể:

- Sửa đổi tên điều từ “Quyền tiếp nhận dự án của bên cho vay” thành “Quyền của bên cho vay khi chấm dứt hợp đồng dự án PPP” để phù hợp với bản chất của nội dung.

- Trường hợp nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng cấp tín dụng đã ký kết với bên cho vay, bên cho vay sẽ có quyền đề xuất cơ quan có thẩm quyền của dự án chỉ định một nhà đầu tư khác thay thế.

- Để làm rõ việc áp dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 54 như sau: *Đối với dự án PPP có bên cho vay là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, việc tiếp nhận và xử lý tài sản bảo đảm mà tài sản đó liên quan đến quyền sử dụng đất hoặc gắn liền với đất phải tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai.*

Thực tế nội dung này đã được quy định tại khung pháp lý trước đây tại cấp Nghị định nhưng lại chưa phát sinh tình huống cụ thể trong thực tiễn nên chưa có cơ sở tổng kết thực tiễn. Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề xuất giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này, bảo đảm phù hợp với quy định các pháp luật có liên quan.

* *Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định tại Điều 55 về các trường hợp nhà đầu tư có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ cổ phần tại doanh nghiệp, nâng tỷ lệ vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư dự án. Nếu liên danh chủ đầu tư thì vốn chủ sở hữu của mỗi bên tham gia liên danh không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư của dự án. Ý kiến khác đề nghị không quy định mức 15% cho tất cả dự án mà nghiên cứu quy định khung tỷ lệ vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tương ứng với quy mô tổng mức đầu tư dự án; quy định định mức vốn chủ sở hữu phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng nhóm dự án.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 55 (Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án PPP) các trường hợp nhà đầu tư có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ cổ phần tại doanh nghiệp dự án PPP; sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 79 (Góp vốn chủ sở hữu), theo đó nhà đầu tư phải góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư dự án không bao gồm vốn nhà nước quy định tại Điều 72 và 74 của Luật này; bổ sung quy định tại Điều 41 (Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển) quy định rõ trường hợp liên danh, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh; nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên trong liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15% trong liên danh.

* *Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định: đối với những vấn đề pháp luật Việt Nam không có quy định, các bên có thể thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng dự án PPP trên cơ sở không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, bổ sung quy định tại Điều 58 (Pháp luật điều chỉnh hợp đồng dự án PPP): “Đối với những vấn đề pháp luật Việt Nam không có quy định, các bên có thể thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng dự án PPP trên cơ sở không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”; ngoài ra, đổi tên điều này là Pháp luật điều chỉnh hợp đồng dự án PPP nhằm phù hợp với nội dung quy định tại Điều này.

**5. Về triển khai thực hiện dự án (Chương V)**

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về việc giao, thuê đất cho tất cả các loại hợp đồng PPP để phù hợp với quy định tại Điều 155 Luật Đất đai năm 2013.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: khoản 3 Điều 155 Luật Đất đai quy định về việc giao nhà đầu tư quản lý diện tích đất để thực hiện dự án xây dựng - chuyển giao (BT), giao đất hoặc cho thuê đất đối với nhà đầu tư thực hiện dự án xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về đầu tư. Trên thực tế, việc giao đất, cho thuê đất để thực hiện các loại hợp đồng PPP trong thời gian vừa qua vẫn thực hiện theo đúng các nguyên tắc, quy định của Luật Đất đai và pháp luật về đầu tư, không có vướng mắc. Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin Quốc hội cho giữ như quy định của dự thảo Luật.

* *Có ý kiến đề nghị quy định rõ tại Điều 62 theo hướng: trong giai đoạn đầu tư xây dựng, nhà đầu tư tổ chức giám sát nội bộ và chịu trách nhiệm về chất lượng công trình, dịch vụ của dự án; cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn bảo đảm năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật để tổ chức giám sát chất lượng công trình, dự án PPP. Có ý kiến đề nghị quy định doanh nghiệp thực hiện dự án PPP bắt buộc phải thuê đơn vị giám sát độc lập để nghiệm thu chất lượng.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 62 (Giám sát thực hiện hợp đồng trong giai đoạn đầu tư xây dựng), theo đó doanh nghiệp dự án PPP chịu trách nhiệm tổ chức giám sát, quản lý về chất lượng, nghiệm thu các hạng mục và toàn bộ công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định bắt buộc phải thuê đơn vị giám sát độc lập để nghiệm thu chất lượng thì doanh nghiệp dự án PPP phải tuân thủ quy định này. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm giám sát, kiểm tra, kiểm định và quyền đề nghị yêu cầu điều chỉnh hoặc đình chỉ thi côngcủa cơ quan ký kết hợp đồng trong quá trình tổ chức triển khai xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo hợp đồng, được thuê tư vấn hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ, sử dụng chi phí triển khai thực hiện dự án để thanh toán cho tư vấn.

* *Có ý kiến đề nghị bổ sung tại Điều 63 các quy định như sau: (i) Giá trị quyết toán theo kết quả đấu thầu và hợp đồng dự án, trừ trường hợp trong hợp đồng có quy định khác;(ii) Hồ sơ mời thầu và hợp đồng dự án phải có quy định cụ thể về nguyên tắc quyết toán đối với chi phí dự phòng và lãi suất vốn vayđể có căn cứ cụ thể về quyết toán dự án công trình hoàn thành.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: khoản 2 Điều 63 (Quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng) đã quy định về nội dung này, cụ thể quy định sau khi hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ quan ký kết hợp đồng và doanh nghiệp dự án PPP thực hiện thủ tục quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình hoặc giá trị quyết toán vốn đầu tư đối với dự án không có cấu phần xây dựng được xác định căn cứ vào hợp đồng đã ký kết trên cơ sở kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Quy định này nhằm khẳng định giá trị được xác định qua đấu thầu,bao gồm cả các yếu tố chi phí cấu thành như chi phí dự phòng (do nhà đầu tư tính toán và chào trong hồ sơ dự thầu trên cơ sở quy định hiện hành) cũng như lãi suất vốn vay (do nhà đầu tư tính toán và chịu trách nhiệm huy động) là cơ sở để quyết toán, tuân thủ nguyên tắc thị trường. Không có ngoại lệ cho các giá trị của dự án, góp phần xác định hiệu quả của dự án, như dự phòng hay lãi suất vốn vay, mà không được xác định qua quá trình lựa chọn nhà đầu tư.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng có trách nhiệm “phối hợp với doanh nghiệp dự án PPP để xử lý, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng như ý kiến đóng góp của các đối tượng sử dụng về chất lượng, giá, phí sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp dự án PPP cung cấp”.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 66 (Cung cấp sản phẩm, dịch vụ công) của dự thảo Luật.

* *Có ý kiến cho rằng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 67 (Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công) chưa rõ ràng, dễ dẫn đến việc lợi dụng để nâng giá các dự án PPP. Đề nghị quy định rõ trường hợp được áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá, phí và mức hỗ trợ; rà soát lại Điều 67 về việc áp dụng giá, phí, liên quan đến Luật Giá, Luật Phí và lệ phí.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, khoản 2 Điều 67 (Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công) yêu cầu tuân thủ các quy định về hỗ trợ giá, phí theo quy định của pháp luật về giá, phí. Việc điều chỉnh giá, phí cũng phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc xác định giá, các yếu tố cấu thành giá đã được quy định tại pháp luật về giá. Bên cạnh đó, mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công được xem xét, thẩm định và phê duyệt từ các bước quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, lựa chọn nhà đầu tư và xác định cụ thể tại hợp đồng dự án. Theo đó, các trường hợp được điều chỉnh giá, phí đều được quy định cụ thể tại hợp đồng và phải được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định khi điều chỉnh. Quy định này bảo đảm không dẫn đến sự tùy tiện thay đổi mức giá, phí trước và sau khi ký kết hợp đồng. Ngoài ra, mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công trong dự án PPP phải được công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 9 của Luật PPP.

* *Có ý kiến đề nghị quy định rõ tại Điều 68 trách nhiệm của các chủ thể liên quan về việc giám sát thực hiện hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 68 (Giám sát thực hiện hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh), theo đó khẳng định doanh nghiệp dự án PPP chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, dịch vụ theo các yêu cầu quy định tại hợp đồng. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm tổ chức giám sát của cơ quan ký kết hợp đồng đối với doanh nghiệp dự án trong việc thực hiện các quyền và tuân thủ các nghĩa vụ, chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp, yêu cầu khắc phục, áp dụng các biện pháp phạt hợp đồng.

- *Có ý kiến đề nghị quy định về nội dung chuyển giao tài sản cho Nhà nước.*

Về vấn đề này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: tại Điều 69 (Chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng) của dự thảo Luật đã quy định về nội dung chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; tại Điều 87 cũng đã quy định về việc Kiểm toán Nhà nước kiểm toán toàn bộ giá trị tài sản của dự án PPP khi chuyển giao tài sản cho Nhà nước. Về thủ tục chuyển giao tài sản cho Nhà nước tương đối chi tiết nên bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 69 giao Chính phủ quy định chi tiết về Điều này.

**6. Về nguồn vốn thực hiện dự án PPP (Chương VI)**

*- Có ý kiến đề nghị sửa điểm b khoản 2 Điều 73 về thanh toán vốn nhà nước cho các dự án BTL, BLT như sau: “b) Nguồn vốn chi thường xuyên để thanh toán kinh phí duy trì hoạt động cung cấp dịch vụ công sau khi trừ các khoản thu phí (nếu có) cho doanh nghiệp dự án theo hợp đồng dự án;* ***không sử dụng để thanh toán chi phí đầu tư xây dựng dự án”.***

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: việc sử dụng nguồn chi thường xuyên để thanh toán cho dự án áp dụng loại hợp đồng BTL, BLT tương tự việc hiện nay các địa phương đang sử dụng nguồn chi thường xuyên cho các hoạt động sự nghiệp[[14]](#footnote-14). Với một số công trình có thể tách bạch phần chi đầu tư xây dựng cơ bản ban đầu và phần chi vận hành sau này. Tuy nhiên, sẽ không tận dụng được nguồn vốn dài hạn của nhà đầu tư. Đồng thời, việc tách bạch 02 nguồn vốn dẫn đến khó khăn trong việc xác định phương án tài chính, thời gian hoàn vốn, thời hạn hợp đồng PPP. Với thực tế này, trong bối cảnh nguồn vốn đầu tư công hạn hẹp và cũng không phù hợp để chi trả đều cho loại hợp đồng dài hạn như hợp đồng BTL, BLT, việc sử dụng nguồn chi thường xuyên để thanh toán cho nhà đầu tư là phù hợp và có tính pháp lý bởi được thực hiện trên cơ sở hợp đồng.

* *Một số ý kiến đề nghị cần quy định để doanh nghiệp dự án được phát hành trái phiếu doanh nghiệp ngay trong quá trình triển khai xây dựng công trình, bảo đảm sự phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 44 (Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp dự án PPP) và Điều 80 (Phát hành trái phiếu doanh nghiệp dự án PPP), theo đó, doanh nghiệp dự án PPP được phát hành, mua lại trái phiếu riêng lẻ do mình đã phát hành theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán để huy động vốn thực hiện dự án PPP, trừ trái phiếu riêng lẻ chuyển đổi, trái phiếu riêng lẻ kèm chứng quyền. Việc phát hành trái phiếu của doanh nghiệp dự án PPP phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2: vốn huy động không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích thực hiện dự án PPP theo hợp đồng hoặc cho việc cơ cấu lại các khoản nợ của doanh nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 2; số vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu không được vượt quá giá trị phần vốn vay được xác định tại hợp đồng dự án PPP và quy định về kiểm soát việc sử dụng vốn huy động này của nhà đầu tư theo tiến độ thực hiện dự án. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung này.

**7. Về ưu đãi và bảo đảm đầu tư (Chương VII)**

*- Có ý kiến cho rằng quy định tại dự thảo Luật còn thiếu các cơ chế tổng thể bao gồm các hình thức hỗ trợ, ưu đãi và bảo đảm đầu tư từ phía Nhà nước cho nhà đầu tư PPP để tăng tính hấp dẫn của dự án cũng như bảo đảm việc thực hiện dự án thành công; đề nghị rà soát các điều từ Điều 81 - Điều 84 về ưu đãi và bảo đảm đầu tư.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: quy định tại Điều 81 (Ưu đãi đầu tư) và Điều 82 (Bảo đảm đầu tư) đã khẳng định việc nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được hưởng các ưu đãi về thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các ưu đãi khác cũng như bảo đảm đầu tư theo quy định của pháp luật về thuế, đất đai, đầu tư và pháp luật có liên quan. Điều 83 quy định về bảo đảm cân đối ngoại tệ đối với dự án PPP quan trọng và Điều 84 quy định về cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu (Phương án 1) hoặc cơ chế chia sẻ phần lỗ, lãi (Phương án 2) như đã nêu ở phần trên là những chính sách quan trọng từ phía Nhà nước đối với nhà đầu tư nhằm thu hút khu vực tư nhân tham gia đầu tư vào các dự án PPP.

* *Có ý kiến đề nghị bổ sung một điều khoản về bảo đảm đầu tư khi có sự thay đổi của pháp luật. Cụ thể, trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành có quyền lợi và ưu đãi cao hơn thì nhà đầu tư được áp dụng văn bản pháp luật mới. Trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành có ảnh hưởng bất lợi đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư thì nhà đầu tư được áp dụng văn bản pháp luật trước đó. Nguyên tắc này không áp dụng trong trường hợp thay đổi quy định của văn bản pháp luật vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng, bảo vệ môi trường.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: các quy phạm xuyên suốt dự thảo Luật đã cụ thể hoá các giải pháp để xử lý vấn đề ý kiến ĐBQH nêu. Cụ thể, về trường hợp chính sách, pháp luật Nhà nước thay đổi mà ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư thì được phép đàm phán để sửa đổi, bổ sung hợp đồng (điểm a khoản 1 Điều 51), chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và được bồi thường (điểm b khoản 2 Điều 53), được chia sẻ rủi ro khi giảm doanh thu (theo phương án 1) hoặc khi lỗ (theo phương án 2) (điểm b khoản 2 Điều 84). Như vậy, nhằm bảo đảm mối quan hệ “đối tác” lâu dài giữa khu vực công và khu vực tư để duy trì ổn định việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho người dân, cho xã hội cũng như bảo đảm lợi ích hợp pháp cho nhà đầu tư, dự thảo Luật cơ bản đã đề xuất một số chính sách phù hợp. Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 82 dự thảo Luật quy định nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được hưởng các bảo đảm đầu tư theo pháp luật về đầu tư – theo đó sẽ được hưởng bảo đảm đầu tư khi thay đổi chính sách pháp luật theo quy định tại Điều 13 Luật Đầu tư.

* *Có ý kiến cho rằng quy định tại Điều 83 giao Chính phủ quyết định việc áp dụng cơ chế bảo đảm cân đối ngoại tệ còn chung chung, nếu không có cơ chế quản lý rủi ro tốt có thể gây ra những hệ lụy lớn cho ngân sách và quản lý ngoại hối về dài hạn. Cần bổ sung các quy định cụ thể, chặt chẽ hơn để phòng ngừa và quản lý rủi ro khi Nhà nước cam kết bảo đảm đầu tư và chỉ giới hạn đối với đối tượng trong phạm vi các dự án lớn có tính lan tỏa, thuộc những ngành nghề mà Nhà nước đặc biệt khuyến khích đầu tư*.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: dự thảo Luật đã quy định việc bảo đảm cân đối ngoại tệ đối với dự án PPP quan trọng, cụ thể Chính phủ quyết định việc áp dụng cơ chế bảo đảm cân đối ngoại tệ đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở chính sách quản lý ngoại hối, khả năng cân đối ngoại tệ trong từng thời kỳ. Khoản 2 Điều 83 (Bảo đảm cân đối ngoại tệ đối với dự án PPP quan trọng) cũng quy định rõ điều kiện áp dụng và hạn mức bảo đảm cân đối ngoại tệ.

**8. Về kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, Kiểm toán Nhà nước và giám sát hoạt động đầu tư theo phương thức PPP (Chương VIII)**

* *Một số ý kiến đề nghị quy định rõ quyền giám sát của cộng đồng dân cư; việc thực hiện giám sát của cộng đồng thông qua Mặt trận Tổ quốc; bổ sung quy định cụ thể về trách nhiệm của nhà đầu tư với chính quyền địa phương trong phối hợp công khai, tuyên truyền, tạo sự thống nhất với nhân dân về dự án, trong việc kiểm tra, giám sát, nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình phục vụ các kỳ thanh toán và quyết toán công trình; đề nghị bổ sung quy định về việc lấy ý kiến trước khi quyết định chủ trương đầu tư và ký kết hợp đồng PPP; bổ sung các nội dung thông tin phải công bố để bảo đảm quyền giám sát của người dân.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: dự án PPP có quy mô lớn, tính chất phức tạp, có dự án đầu tư trên nhiều địa bàn, thời hạn đầu tư, vận hành công trình kéo dài nhiều năm, có sự tham gia của cả Nhà nước và tư nhân theo quy định chặt chẽ của hợp đồng. Mặt khác, pháp luật về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng đã quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Do vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin sửa đổi, bổ sung theo hướng có tính nguyên tắc quy định tại Điều 19 trong nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi có kết quả tiếp thu ý kiến tham vấn, phản biện xã hội về tác động của việc đầu tư thực hiện dự án khi có ý kiến của một số cơ quan, tổ chức, trong đó có Mặt trận tổ quốc Việt Nam nơi thực hiện dự án và quy định tại Điều 91 (Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) để bảo đảm các quy định về phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và giám sát của cộng đồng bảo đảm tính khả thi và phù hợp với quy định của pháp luật.

* *Một số ý kiến cho rằng, ngoài cơ chế kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát của cơ quan nhà nước thì cần có cơ chế kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát độc lập từ bên ngoài từ khâu dự toán đến quyết toán để xử lý vi phạm và phân chia chính xác lợi ích, chi phí của nhà đầu tư, Nhà nước, người dân; đề nghị quy định cụ thể cơ quan giám sát dự án, trách nhiệm giám sát thi công; thanh tra, kiểm toán nên thực hiện trước khi ký kết hợp đồng; đề nghị quy định trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát xuyên suốt, đồng bộ từ đầu đến cuối để các cơ quan phát huy hết vai trò, trách nhiệm.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, sửa đổi, bổ sung quy định tại các Điều 62 (Giám sát thực hiện hợp đồng trong giai đoạn đầu tư xây dựng), Điều 68 (Giám sát thực hiện hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh), Điều 87 (Hoạt động của Kiểm toán Nhà nước trong đầu tư theo phương thức PPP), Điều 91 (Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

**9. Về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong đầu tư theo phương thức PPP (Chương IX)**

*Một số ý kiến cho rằng, cần quy định cụ thể hơn về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, trách nhiệm và thẩm quyền xét duyệt chủ trương đầu tư, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu; quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan liên quan phải thống nhất, tránh chồng chéo với các luật khác.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, sửa đổi, bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong đầu tư theo phương thức PPP tại Chương IX và các điều liên quan của dự thảo Luật, trong sửa đổi, bổ sung quy định của Bộ Tài chính liên quan đến cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu (Phương án 1 - Điều 84) hoặc cơ chế chia sẻ lỗ, lãi (Phương án 2 - Điều 84). Đồng thời, không quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh do các nội dung này đã được quy định tại Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; rà soát chuyển các nội dung quy định về trách nhiệm của cơ quan ký kết hợp đồng, trách nhiệm của bên mời thầu tại các điều khác liên quan của dự thảo Luật mà không quy định tại Chương IX.

**10. Về giải quyết kiến nghị, tranh chấp và xử lý vi phạm (Chương X)**

*- Có ý kiến đề nghị không dùng cụm từ “vào bất kì thời gian nào” tại điểm b khoản 1 Điều 98 (Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư) vì hiện nay theo quy định pháp luật thì việc khởi kiện tại Tòa án còn liên quan đến thời hiệu khởi kiện, trong thời hiệu khởi kiện thì chủ thể có quyền khởi kiện ra Tòa án, còn hết thời hiệu đó thì không có quyền khởi kiện. Quy định như trong dự thảo Luật đã bỏ đi yếu tố thời hiệu khởi kiện, gây ra sự không thống nhất trong hệ thống pháp luật.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 98 của dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung vào khoản 2 Điều 100 quy định“nếu các bên chọn giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài Thương mại thì không được chọn giải quyết tại Tòa án và ngược lại”.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: quy định tại khoản 2 Điều 100 (Giải quyết tranh chấp) đã quy định về nội dung này, cụ thể: *“*Tranh chấp giữa các bên trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, các bên có thể đưa vụ tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án hoặc tổ chức trọng tài”. Như vậy, theo quy định này, các bên chỉ được chọn một trong hai tổ chức để giải quyết tranh chấp.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung tại Điều 102 (Xử lý vi phạm trong đầu tư theo phương thức đầu tư PPP) quy định về hình thức xử lý vi phạm “Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về bồi thường nhà nước cho các bên có liên quan nếu thiệt hại do lỗi của mình gây ra”.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: quy định về nội dung bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về bồi thường nhà nước cho các bên có liên quan nếu thiệt hại do lỗi của mình gây rahiện nay đã được quy định tại một số văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Cán bộ, công chức; Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước..., do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin không quy định lại tại dự thảo Luật.

**11. Về mối quan hệ của Luật PPP và các luật có liên quan**

*- Có ý kiến cho rằng quy định về xử lý vi phạm trong đầu tư theo phương thức PPP có biện pháp “cấm tham gia hoạt động đầu tư” trùng lặp với hình phạt bổ sung “cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định” được quy định trong Bộ luật Hình sự[[15]](#footnote-15), đồng thời dự thảo Luật không quy định rõ thời hạn cấm. Do đó, đề nghị chỉ quy định những hình thức xử lý vi phạm có tính chất đặc thù trong đầu tư theo phương thức PPP; dẫn chiếu các hình thức xử lý vi phạm đã được Bộ luật Hình sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 102 của dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị quy định về các hành vi bị cấm tại Điều 10 và chế tài xử lý vi phạm cần phù hợp với Bộ luật Dân sự, Luật Đấu thầu.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: Bộ luật Dân sự quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý về cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân; quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của cá nhân, pháp nhân trong các quan hệ được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm. Trong dự thảo Luật PPP, quy định về các hành vi bị nghiêm cấm, chế tài xử lý vi phạm trong PPP đã tuân thủ các nguyên tắc nêu trên của Bộ luật Dân sự.

Đối với Luật Đấu thầu, do đã có sự phân tách về đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh giữa hai Luật, theo đó Luật Đấu thầu quy định về lựa chọn nhà thầu, dự thảo Luật PPP quy định về lựa chọn nhà đầu tư PPP nên không có sự mâu thuẫn về hành vi bị nghiêm cấm giữa hai Luật.

* *Có ý kiến cho rằng quy định của dự thảo Luật[[16]](#footnote-16) chưa bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư trong trường hợp ưu đãi, bảo đảm đầu tư tại các văn bản này thấp hơn ưu đãi, bảo đảm đầu tư được quy định tại dự thảo Luật Đầu tư (sửa đổi); đồng thời, chưa phù hợp với quy định của Luật Đầu tư về bảo đảm đầu tư trong trường hợp thay đổi pháp luật[[17]](#footnote-17).*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo: bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi pháp luật được quy định cụ thể tại Luật Đầu tư 2014 (Điều 13), nhà đầu tư dự án PPP được áp dụng đầy đủ quy định này (khoản 4 Điều 82 dự thảo Luật). Theo đó, quyền lợi của nhà đầu tư trong trường hợp ưu đãi, bảo đảm đầu tư thay đổi được bảo đảm. Do vậy, xin tiếp thu, không quy định về ưu đãi, bảo đảm đầu tư tại Điều này và chỉnh lý khoản 5 Điều 103 (Điều khoản chuyển tiếp) chỉ quy định về dự án đã có cam kết hoặc chấp thuận bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ hoặc bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về thủ tục, nội dung liên quan đến thực hiện dự án trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo các văn bản đó.

* *Có ý kiến đề nghị cân nhắc tính hợp lý của việc loại bỏ nhiều điều của Luật Đấu thầu tại dự thảo Luật PPP.*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu, sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh) của Luật Đấu thầu, theo đó đưa việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu; đồng thời rà soát, sửa đổi các quy định liên quan đến nhà đầu tư PPP tại các quy định của Luật Đấu thầu, cụ thể sửa đổi khoản 2 Điều 3; khoản 10, khoản 12 Điều 4; khoản 4 Điều 6; điểm i khoản 1 Điều 8; khoản 2 Điều 15 của Luật Đấu thầu.

Đồng thời, để quy định tính đặc thù của dự án PPP, bảo đảm tính khả thi, thống nhất trong hệ thống pháp luật, tại Điều 104 (Sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan) đã sửa đổi, bổ sung sửa đổi khoản 4 Điều 40 của Luật Đầu tư công và sửa đổi khoản 2 Điều 20 Luật Giá.

Ngoài các vấn đề trên, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo Cơ quan chủ trì thẩm tra, Cơ quan chủ trì soạn thảo và các cơ quan hữu quan tiếp thu, chỉnh lý về kỹ thuật văn bản, xin kính trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Các đại biểu Quốc hội;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;  - Bộ Tư pháp;  - Các Vụ: KT, PL;  - Lưu: HC, KT.  - E-pas: | **TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Phùng Quốc Hiển** |

1. Khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật PPP quy định: *“2. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác về trình tự, thủ tục đầu tư, thực hiện dự án PPP; hoạt động của doanh nghiệp dự án PPP; pháp luật điều chỉnh hợp đồng dự án PPP; bảo đảm đầu tư; cơ chế quản lý vốn nhà nước áp dụng trực tiếp cho dự án PPP thì thực hiện theo quy định của Luật này.”.* [↑](#footnote-ref-1)
2. Trình tự, thủ tục đầu tư tại Điều 12, các điều thuộc Chương II, III; Hoạt động doanh nghiệp dự án PPP tại Điều 44 và 79; Pháp luật điều chỉnh hợp đồng dự án PPP tại Điều 57; Bảo đảm đầu tư tại Điều 81, 82 và 83; Cơ chế quản lý vốn nhà nước áp dụng trực tiếp cho dự án PPP tại Chương VI. [↑](#footnote-ref-2)
3. Điều 105 dự thảo Luật quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số luật: Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công và Luật Giá. [↑](#footnote-ref-3)
4. Đề xuất quy định lĩnh vực nhà máy điện, lưới điện tại dự thảo Luật PPP với các lý do sau đây:

   (1) Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 yêu cầu ưu tiên phát triển năng lượng nhanh và bền vững; khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia phát triển năng lượng. Đặc biệt, Nghị quyết nêu rõ: *“Có cơ chế khuyến khích thu hút vốn ngoài nhà nước đầu tư xây dựng vào hệ thống truyền tải điện quốc gia”*.

   (2) Luật Điện lực năm 2004 (sửa đổi năm 2012) quy định: “Nhà nước độc quyền trong hoạt động truyền tải”. Quy định này đã tồn tại trong thời gian dài,dẫn đến nhiều hạn chế trong đầu tư hệ thống truyền tải điện, gây ra những điểm nghẽn để phát triển lĩnh vực điện nói chung. Chính vì vậy, Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị yêu cầu*“kiên quyết loại bỏ mọi biểu hiện bao cấp, độc quyền, cạnh trang không bình đẳng, thiếu minh bạch trong ngành năng lượng”*.

   (3) Thông qua phương thức đầu tư PPP, nhà nước duy trì kiểm soát về mục đích sử dụng và quản lý vận hành hệ thống lưới điện theo cơ chế hợp đồng. Nội dung này là phù hợp với chủ trương tại Nghị quyết số 55-NQ/TW về:*“Vận hành hệ thống truyền tải điện quốc gia độc lập dưới sự kiểm soát của Nhà nước”*. [↑](#footnote-ref-4)
5. Một trong những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu là *“Đổi mới chính sách tài chính theo hướng khuyến khích, thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; khuyến khích các dự án đầu tư năng lượng theo hình thức đối tác công tư (PPP)”* [↑](#footnote-ref-5)
6. Theo báo cáo số 25/BC-CP của Chính phủ ngày 30/01/2019 về tình hình thực hiện các dự án PPP (kèm theo Hồ sơ dự án Luật), đến nay có tổng số 18 hợp đồng BOT nhiệt điện với tổng vốn đầu tư khoảng 36,798 tỷ USD tương đương khoảng 857.209 tỷ đồng, chưa bao gồm chi phí dự phòng. Trong đó, 04 dự án đã được đưa vào vận hành, khai thác (phát điện), 14 dự án đang tiến hành các thủ tục đầu tư. [↑](#footnote-ref-6)
7. Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 về phê duyệt điều chỉnh định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050. [↑](#footnote-ref-7)
8. Hàn Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Philippines [↑](#footnote-ref-8)
9. Theo số liệu của Tổng cục đường bộ, năm 2018 trong số 52 dự án BOT giao thông đã đưa vào vận hành khai thác có đủ điều kiện đánh giá về doanh thu thực tế so với hợp đồng, có 27 dự án có doanh thu thực tế tăng so với phương án tài chính ban đầu (trung bình tăng khoảng 18%), 26 dự án có doanh thu thực tế thấp hơn so với phương án tài chính ban đầu (trung bình giảm khoảng 26%). Tuy nhiên, việc tăng, giảm doanh thu của các dự án này do nhiều nguyên nhân khác nhau (nguyên ngân khách quan do thị trường, lãi suất vay tăng, lạm phát tăng...) hay nguyên nhân chủ quan (tính toán sai lưu lượng, quản lý yếu kém của nhà đầu tư...), không chỉ vì nguyên nhân quy hoạch, chính sách pháp luật thay đổi như dự thảo Luật đang đề xuất. Vì vậy, các giá trị từ thực tiễn này chỉ mang tính tham khảo, cần phải tiếp tục nghiên cứu. [↑](#footnote-ref-9)
10. Điều 118 Hiến pháp năm 2013: “1. Kiểm toán nhà nước là cơ quan do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công.”

    Khoản 2 Điều 2 Luật Kiểm toán Nhà nước: Đối tượng áp dụng là cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công.

    Khoản 3 Điều 3 Luật Kiểm toán Nhà nước: Đơn vị được kiểm toán là cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công.

    Khoản 1 Điều 1 Luật  Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà nước số 81/2015/QH13: “2a. *Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm toán* là cơ quan, tổ chức, cá nhân được xác định trong quá trình kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán là có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công của đơn vị được kiểm toán.” [↑](#footnote-ref-10)
11. Cụ thể: bổ sung điểm e khoản 2 Điều 12 (Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP) về thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm A theo pháp luật về đầu tư công trở lên có sử dụng quỹ đất để thanh toán; bổ sung tại điểm đ khoản 2 Điều 14 (Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP) về dự kiến phương thức thanh toán cho nhà đầu tư đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT trong nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; bổ sung tại khoản 6 Điều 19 (Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi) về dự kiến sử dụng tài sản công, quyền khai thác, kinh doanh công trình, dịch vụ để thanh toán cho nhà đầu tư đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT; bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 41 (Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển) đối với dự án BT áp dụng sơ tuyển, hồ sơ mời sơ tuyển cần quy định tiêu chuẩn sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật có liên quan để thực hiện dự án khác. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 45 (Phân loại hợp đồng dự án PPP): nhà đầu tư trong dự án áp dụng loại hợp đồng BT sau khi chuyển giao công trình cho cơ quan ký kết hợp đồng thì vẫn phải chịu trách nhiệm bảo trì dài hạn, hỗ trợ tổ chức, đơn vị vận hành công trình; bỏ quy định về thanh toán bằng số tiền thu được từ bán đấu giá tài sản công; bổ sung quy định các phương tiện thanh toán quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 46 phải được tổ chức lựa chọn nhà đầu tư đồng thời với dự án BT. [↑](#footnote-ref-11)
12. Về đấu thầu dự án BT và đấu giá khu đất để thanh toán: hiện nay các dự án BT đa số là do nhà đầu tư tạm ứng kinh phí để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để tạo quỹ đất và phần lớn quỹ đất thanh toán đều chưa hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, trong khi đó, theo Luật Đất đai quy định “giá trị quyền sử dụng đất được xác định tại thời điểm giao đất”, nên có khả năng giá đất phải được xác định lại tại thời điểm ban hành quyết định giao đất, gây ảnh hưởng đến việc tính toán lợi nhuận đầu tư của nhà đầu tư, ảnh hưởng đến quá trình kêu gọi đầu tư; cần rà soát quy định pháp luật về trình tự, thủ tục sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án theo phương thức BT; đề nghị bổ sung vào dự thảo Luật và sửa đổi, bổ sung Luật Đấu thầu, Luật Đấu giá tài sản, quy định đấu thầu đồng thời dự án BT và đấu thầu (hoặc đấu giá) “quỹ đất, trụ sở làm việc” thanh toán dự án BT để lựa chọn đồng thời nhà đầu tư dự án BT và nhà đầu tư “dự án khác”; đơn vị trúng thầu là đơn vị có hiệu số giữa giá đấu giá tài sản, trừ đi giá bỏ thầu thực hiện dự án cao nhất… [↑](#footnote-ref-12)
13. Khoản 4 Điều 40 Luật Đầu tư công quy định: “Nguyên tắc, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, *trừ dự án quan trọng quốc gia*”. [↑](#footnote-ref-13)
14. Giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được các địa phương xác định theo quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15/5/2017 của Bộ Xây dựng. Trong đó, khoản 2 Điều 2 Thông tư này quy định: Giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải được tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý, hợp lệ của quá trình đầu tư và khai thác, vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; phù hợp với điều kiện thực tế tổ chức thực hiện dịch vụ; điều kiện hạ tầng kỹ thuật, điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách của địa phương. [↑](#footnote-ref-14)
15. Điểm a khoản 2 Điều 32 của Bộ luật Hình sự. [↑](#footnote-ref-15)
16. Quy định “*Dự án đã có cam kết hoặc chấp thuận bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ hoặc bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về ưu đãi, bảo đảm đầu tư và các nội dung khác liên quan đến thực hiện dự án trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo các văn bản đó*”. [↑](#footnote-ref-16)
17. Khoản 1 Điều 13 của Luật Đầu tư quy định: “*1. Trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định ưu đãi đầu tư cao hơn ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư đang được hưởng thì nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của văn bản pháp luật mới cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án*.” (Dự thảo Luật Đầu tư (sửa đổi) không sửa quy định này). [↑](#footnote-ref-17)